

CÓ ĐÁP ÁN

Trang 4-5 (HÀNH CHÍNH)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển?

- A. An Giang. B. Kiên Giang. C. Đồng Tháp. D. Cà Mau.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp với Campuchia?

- A. Đắk Lắk. B. Gia Lai. C. Quảng Nam. D. Kon Tum.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp với Trung Quốc?

- A. Lai Châu. B. Quảng Ninh. C. Lạng Sơn. D. Yên Bái.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Trung Quốc?

- A. Lào Cai. B. Yên Bái. C. Hòa Bình. D. Phú Thọ.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết điểm cực Bắc nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Điện Biên. B. Lai Châu. C. Hà Giang. D. Cao Bằng.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết nước ta tiếp giáp với những nước nào trên đất liền?

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia. B. Trung Quốc, Thái Lan, Lào.
C. Trung Quốc, Mianma, Campuchia. D. Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết đường biên giới nước ta với quốc gia nào dài nhất?

- A. Trung Quốc. B. Lào. C. Campuchia. D. Thái Lan.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích nhỏ nhất nước ta?

- A. Ninh Bình. B. Bắc Ninh. C. Thái Bình. D. Hà Nam.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

- A. Khánh Hòa. B. Tp. Đà Nẵng. C. Nha Trang. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết thành phố nào sau đây là đô thị trực thuộc trung ương?

- A. Đà Lạt. B. Hải Phòng. C. Nha Trang. D. Vinh

11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết đơn vị hành chính nào sau đây là tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Ninh?

- A. Móng Cái. B. Uông Bí. C. Cẩm Phả. D. Hạ Long.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây có đường biên giới giáp Lào?

- A. Lai Châu. B. Nghệ An. C. Bình Phước. D. Phú Yên.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, xác định tỉnh nào sau đây có đường biên giới nước ta giáp Trung Quốc?

- A. Tuyên Quang. B. Sơn La. C. Bắc Giang. D. Quảng Ninh.

Đáp án trang 4-5

1 B	2 C	3 D	4 A	5 C	6 A	7 B	8 B	9 B	10 B
11 D	12 B	13 D							

Trang 6-7 (HÌNH THẺ)

Câu 1. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất nước ta?

- A. Phan Xi Păng. B. Ngọc Linh.
C. Tây Côn Lĩnh. D. Chư Yang Sin.

Câu 2. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cao nguyên Đắk Lắk có độ cao trung bình so với mực nước biển là

- A. 500m-1000m. B. 1000m-1500m
C. trên 1500m. C. 200m-500m.

Câu 3. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết núi Pu Xai Lai Leng có độ cao bao nhiêu?

- A. 2235m. B. 2405m. C. 2452m. D. 2711m.

Đáp án trang 6-7

1 A	2 A	3 D							
------------	------------	------------	--	--	--	--	--	--	--

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết crôm phân bố ở đâu? A. Cổ Định.
B. Quỳnh Châu. C. Thạch Khê. D. Tiền Hải.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết tỉnh nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ có mỏ titan?

- A. Thừa Thiên Huế, Quảng Bình. B. Thanh Hóa, Nghệ An.
C. Nghệ An, Hà Tĩnh. D. Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, xác định đâu là mỏ khí tự nhiên?

- A. Hồng Ngọc. B. Rạng Đông.
C. Tiền Hải. D. Bạch Hổ.

Đáp án trang 8

1 A	2 A	3 D								
-----	-----	-----	--	--	--	--	--	--	--	--

Trang 9 (KHÍ HẬU)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Đà Lạt thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Nam Trung Bộ. B. Nam Bộ. C. Tây Nguyên. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Lạng Sơn với Nha Trang?

- A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn.
B. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn.
C. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao hơn.
D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây **không** thuộc miền khí hậu phía Nam?

- A. Vùng khí hậu Tây Nguyên. B. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
C. Vùng khí hậu Nam Bộ. D. Vùng khí hậu Trung và Nam Bắc Bộ.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng VIII. B. Tháng IX. C. Tháng X. D. Tháng XI.

Câu 5. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ trung bình tháng luôn dưới 20°C ?

- A. Biểu đồ khí hậu Lạng Sơn.
- B. Biểu đồ khí hậu SaPa
- C. Biểu đồ khí hậu Điện Biên Phủ.
- D. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.

Câu 6. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có biên độ nhiệt trong năm cao nhất?

- A. Biểu đồ khí hậu Nha Trang.
- B. Biểu đồ khí hậu Hà Nội.
- C. Biểu đồ khí hậu Cà Mau.
- D. Biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.

Câu 7. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây **không đúng** về chế độ nhiệt ở nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.
- B. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.
- C. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ các vùng núi)
- D. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian.

Câu 8. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Nghệ An thuộc vùng khí hậu nào dưới đây?

- A. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
- B. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ.
- C. Vùng khí hậu Tây Nguyên.
- D. Vùng khí hậu Nam Bộ.

Câu 9. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, xác định địa phương nào sau đây có lượng mưa trung bình năm lớn nhất?

- A. Hà Nội.
- B. Móng Cái.
- C. Huế.
- D. Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 10. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, xác định khu vực nào sau đây có lượng mưa trung bình năm thấp nhất?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 11. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, xác định khu vực nào sau đây **không** chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng?

- A. Tây Bắc.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 12. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, xác định vùng khí hậu nào của nước ta không chịu ảnh hưởng của gió mùa mùa đông?

- A. Đông Bắc. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Bắc Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 13. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, xác định khu vực nào sau đây có lượng mưa lớn nhất từ tháng XI đến tháng IV?

- A. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ. B. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ.
C. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ. D. Vùng khí hậu Tây Nguyên.

Đáp án trang 9

1 C	2 D	3 D	4 A	5 B	6 B	7 B	8 A	9 C	10 B
11 D	12 D	13 C							

Trang 10 (CÁC HỆ THỐNG SÔNG)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất?

- A. Sông Đồng Nai. B. Sông Hồng. C. Sông Cả. D. Sông Mã.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Chu. B. Sông Đà. C. Sông Cầu. D. Sông Thương.

Câu 3. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Krông Pokô thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Lưu vực sông Thu Bồn. B. Lưu vực sông Đồng Nai.
C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng). D. Lưu vực sông Mê Kông.

Câu 4. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất trong các hệ thống sông?

- A. Sông Mê Kông. B. Sông Hồng.
C. Sông Đồng Nai. D. Sông Thái Bình.

Câu 5. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, xác định sông nào sau đây **không thuộc** lưu vực sông Hồng?

- A. Sông Đà. B. Sông Lô. C. Sông Cầu. D. Sông Đáy.

Câu 6. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, xác định cửa sông của sông Thu Bồn đổ ra Biển Đông có tên là gì?

Câu 7. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, xác định sông nào bắt nguồn từ Lào và chảy về Việt Nam?

A. Sông Hồng.

B. Sông Cả.

C. Sông Đồng Nai.

D. Sông Ba.

Câu 8. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Tiền thuộc lưu vực sông nào sau đây?

A. Lưu vực sông Mã.

B. Lưu vực sông Đồng Nai.

C. Lưu vực sông Cả.

D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 9. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Sài Gòn thuộc lưu vực nào sau đây?

A. Lưu vực sông Thu Bồn.

B. Lưu vực sông Đồng Nai.

C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 10. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây có lưu lượng nước lớn nhất (theo số liệu đo ở các trạm Mỹ Thuận, trạm Cần Thơ, trạm Hà Nội và trạm Cung Sơn)?

A. Sông Đà Rằng.

B. Sông Mã.

C. Sông Hồng.

D. Sông Mê Công.

Câu 11. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước thấp nhất của sông Mê Công (sông Cửu Long) vào thời gian nào sau đây (theo số liệu đo ở các trạm Mỹ Thuận, trạm Cần Thơ)?

A. Tháng III đến tháng IV.

B. Tháng I đến tháng III.

C. Tháng X đến tháng XII.

D. Tháng V đến tháng X.

Câu 12. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu vực sông nào sau đây hầu hết **không** chảy trực tiếp ra biển?

A. Lưu vực sông Mê Công (phần trên lãnh thổ Tây Nguyên).

B. Lưu vực sông Đồng Nai.

C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

D. Lưu vực sông Mê Công (phần trên lãnh thổ đồng bằng sông Cửu Long).

Câu 13. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Vàm Cỏ Đông thuộc lưu vực sông nào sau đây?

A. Lưu vực sông Đồng Nai.

B. Lưu vực sông Thu Bồn.

C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

D. Lưu vực sông Mê Công.

Câu 14. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Bé thuộc lưu vực sông nào sau đây?

A. Lưu vực sông Đồng Nai.

B. Lưu vực sông Thu Bồn.

C. Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

D. Lưu vực sông Mê Công.

Đáp án trang 10

1 D	2 A	3 D	4 B	5 C	6 B	7 B	8 D	9 B	10 D
11 A	12 A	13 A	14 A						

Trang 11 (CÁC NHÓM VÀ CÁC LOẠI ĐẤT CHÍNH)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, vùng tập trung diện tích đất mặn có quy mô lớn nhất nước ta là

A. Đông Bắc.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, xác định khu vực nào sau đây tập trung nhiều đất feralit trên đá badan?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, xác định loại đất chủ yếu của vùng đồng bằng sông Hồng là

A. Đất feralit.

B. Đất phù sa sông.

C. Đất phèn.

D. Đất cát biển.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, xác định đất xám trên phù sa cổ tập trung nhiều nhất ở khu vực nào sau đây?

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đông Nam Bộ.

C. Trung du miền núi phía Bắc.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Đáp án trang 11

1 D	2 C	3 B	4 C						
------------	------------	------------	------------	--	--	--	--	--	--

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, vườn quốc gia nào dưới đây không thuộc vùng đồng bằng sông Hồng?

- A. Cát Bà. B. Xuân Thủy. C. Ba Vì. D. Ba Bể.

Câu 2. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, khu vực phân bố chủ yếu của loài bò tót thuộc phân khu địa lí động vật là

- A. khu Đông Bắc. B. khu Bắc Trung Bộ.
C. khu Trung Trung Bộ. D. khu Nam Trung Bộ.

Câu 3. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, xác định vườn quốc gia nào thuộc phân khu địa lí động vật khu Đông Bắc?

- A. Hoàng Liên. B. Xuân Sơn.
C. Pù Mát. D. Bái Tử Long.

Câu 4. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, xác định khu dự trữ sinh quyển thế giới nằm trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có tên là gì?

- A. Bù Gia Mập. B. Yok Đôn.
C. Cù Lao Chàm. D. Cát Tiên.

Đáp án trang 12

1 D	2 D	3 D	4 C						
-----	-----	-----	-----	--	--	--	--	--	--

Trang 13 (CÁC MIỀN TỰ NHIÊN: Miền Bắc và ĐBBS; Miền Tây và BTB)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết sông Bến Hải đổ ra biển qua cửa nào sau đây?

- A. Cửa Gianh. B. Cửa Nhượng. C. Cửa Hội. D. Cửa Tùng.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Pu Tha Ca. B. Kiều Liêu Ti. C. Phanxipăng. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết dãy núi Hoàng Sơn thuộc khu vực đồi núi nào sau đây?

- A. Đông Bắc. B. Trường Sơn Nam.
C. Tây Bắc. D. Trường Sơn Bắc.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết đỉnh núi Pha Luông có độ cao là

A. 1880m. B. 2405m. C. 1761m. D. 2051m.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết khu vực đồi núi Tây Bắc theo lát cắt địa hình từ C đến D (C-D) có đặc điểm địa hình là A. thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

B. cao ở tây bắc thấp dần về đông nam.

C. cao ở đông bắc thấp dần về tây nam.

D. cao ở đông thấp dần sang tây.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết dãy núi nào sau đây **không** chạy theo hướng tây bắc - đông nam?

A. Hoàng Liên Sơn.

B. Con Voi.

C. Đông Triều.

D. Tam Đảo.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, theo lát cắt địa hình từ C đến D (C-D) cao nguyên Mộc Châu nằm ở độ cao là

A. 1000m-1500m.

B. 1500m. C. 1000m. D. 200-1000m.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết Đồng bằng Bắc Bộ thuộc miền tự nhiên nào sau đây?

A. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

B. Miền Nam Trung Bộ.

C. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

D. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết vùng núi nào sau đây chạy theo hướng tây bắc - đông nam?

A. Đông Bắc và Tây Bắc.

B. Tây Bắc.

C. Đông Bắc.

D. Trường Sơn Nam.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, lát cắt địa hình từ A đến B, yếu tố nào sau đây **không thể hiện** trong lát cắt địa hình A-B? A. Dãy núi cánh cung Bắc Sơn.

B. Sơn nguyên Đồng Văn.

C. Hướng nghiêng Tây Bắc - Đông Nam của vùng núi Đông Bắc.

D. Hướng núi của dãy con voi.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết dãy Đông Triều thuộc khu vực đồi núi nào sau đây?

A. Trường Sơn Nam.

B. Trường Sơn Bắc.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, ranh giới tự nhiên giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

- A. sông Hồng. B. sông Đà. C. sông Mã. D. sông Cả.

Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi nào sau đây **không thuộc** vùng núi Đông Bắc?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Phu Luông. C. Kiều Liêu Ti. D. Pu Tha Ca.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, dãy núi nào sau đây **không** chạy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Bạch Mã. B. Hoàng Liên Sơn.

- C. Trường Sơn Bắc. D. Pu Đen Đinh.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết đèo Hải Vân thuộc dãy núi nào?

- A. Bạch Mã. B. Hoàng Liên Sơn.

- C. Trường Sơn Bắc. D. Pu Đen Đinh.

Đáp án trang 13

1 D	2 C	3 D	4 A	5 B	6 C	7 A	8 D	9 B	10 D
11 D	12 A	13 B	14 A	15 A					

Trang 14 (CÁC MIỀN TỰ NHIÊN: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, theo lát cắt địa hình từ A đến B (A-B), lát cắt địa hình A-B thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Hướng địa hình vòng cung của vùng núi Trường Sơn Nam.
 B. Vùng núi Trường Sơn Nam cao ở Tây Bắc thấp dần về Tây Nam.
 C. Độ cao của các cao nguyên ở vùng núi Trường Sơn Nam.
 D. Hướng nghiêng của vùng núi Trường Sơn Nam.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, đỉnh núi Chư Pha thuộc khu vực đồi núi nào sau đây?

- A. Tây Bắc. B. Đông Bắc.
 C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cao nguyên có độ cao cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là

A. Kon Tum.

B. Đắk Lắk.

C. Mơ Nông.

D. Lâm Viên.

Câu 4. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, khu vực đồi núi Trường Sơn Nam theo lát cắt địa hình từ A đến B (A-B) có đặc điểm địa hình là A. thấp dần từ đông bắc về tây nam, sườn dốc về phía biển.

B. cao ở đông bắc thấp về tây nam, sườn dốc về phía biển.

C. thấp dần từ tây bắc về đông nam, sườn dốc về phía biển.

D. thấp dần từ đông sang tây, sườn dốc về phía đông.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, đỉnh núi Ngọc Linh có độ cao là

A. 2052m.

B. 2598m.

C. 1855m.

D. 2025m.

Đáp án trang 14

1 C	2 D	3 A	4 B	5 B					
------------	------------	------------	------------	------------	--	--	--	--	--

Trang 15 (DÂN SỐ)

Câu 1. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, đô thị có quy mô dân số trên một triệu người là

Hà Nội.

B. Thanh Hóa.

C. Hải Dương.

D. Biên Hòa.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, phần lớn diện tích vùng Tây Nguyên có mật độ dân số (năm 2007) ở mức

A. dưới 100 người/km².B. từ 101 - 200 người/km².C. từ 201 - 500 người/km²D. trên 500 người/km²

Câu 3. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào sau đây thuộc phân cấp đô thị loại I?

A. Hạ Long.

B. Nha Trang.

C. Đà Nẵng.

D. Quy Nhơn.

Câu 4. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, xác định Biên Hòa thuộc phân cấp đô thị loại mấy?

A. Loại đặc biệt.

B. Loại 1.

C. Loại 2.

D. Loại 3.

Câu 5. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, xác định đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 500 001 - 1 000 000 người?

A. Hải Phòng.

B. Đà Nẵng.

C. Nha Trang.

D. Tp. Hồ Chí Minh.

Câu 6. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, nhận định nào dưới đây là đúng? A. Tỷ lệ dân thành thị nhiều hơn tỷ lệ dân nông thôn.

B. Tỷ lệ dân thành thị hiện nay đang có xu hướng giảm nhẹ.

C. Dân số nông thôn cao hơn dân số thành thị.

D. Quy mô dân số nước ta ngày càng giảm.

Câu 7. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị có quy mô dân số từ 200 001 - 500 000 người ở vùng Tây Nguyên là đô thị nào??

A. Đà Lạt.

B. Buôn Ma Thuột.

C. Pleiku.

D. Kon Tum.

Câu 8. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị có quy mô dân số từ 200 001 - 500 000 người ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là đô thị nào??

A. Đà Nẵng, Quy Nhơn.

B. Quy Nhơn, Nha Trang.

C. Nha Trang, Phan Thiết.

D. Phan Thiết, Đà Nẵng.

Câu 9. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị có quy mô dân số từ 500 001 - 1 000 000 người ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là đô thị nào??

A. Long Xuyên.

B. Cà Mau.

C. Cần Thơ.

D. Mỹ Tho.

Câu 10. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị có quy mô dân số dưới 100 000 người ở vùng Đông Nam Bộ là đô thị nào?

A. Bà Rịa.

B. Thủ Dầu Một.

C. Tây Ninh.

D. Biên Hòa.

Câu 11. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết cơ cấu dân số thành thị và nông thôn năm 2007 lần lượt là bao nhiêu?

A. 27,4% và 72,6%.

B. 72,6% và 27,4%.

C. 28,1% và 71,9%.

D. 71,9% và 28,1%.

Đáp án trang 15

1 A	2 A	3 C	4 B	5 B	6 C	7 B	8 B	9 C	10 A
11 B									

Trang 16 (DÂN TỘC)

Câu 1. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, xác định vùng đồng bằng sông Hồng thuộc ngữ hệ nào?

- A. Ngữ hệ Nam Á. B. Ngữ hệ Thái -Kadai.
C. Ngữ hệ Hán - Tạng. D. Ngữ hệ H'Mông - Dao.

Câu 2. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, xác định vùng Tây Nguyên chủ yếu thuộc ngữ hệ nào?

- A. Ngữ hệ Nam Á. B. Ngữ hệ Thái -Kadai.
C. Ngữ hệ Hán - Tạng. D. Ngữ hệ Nam Đảo.

Đáp án trang 16

1 A	2 D								
-----	-----	--	--	--	--	--	--	--	--

Trang 17 (KINH TẾ CHUNG)

Câu 1. Căn cứ vào biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế trong Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, sự chuyển dịch cơ cấu GDP của nước ta trong giai đoạn 1990-2007 diễn ra theo hướng:

- A. giảm tỉ trọng khu vực nông – lâm – thủy sản, tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng.
B. tăng tỉ trọng khu vực nông – lâm – thủy sản, giảm tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng.
C. giữ nguyên tỉ trọng của hai khu vực kinh tế.
D. giữ nguyên tỉ trọng khu vực nông – lâm – thủy sản, tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Lâm Đồng. B. Kon Tum. C. Đắk Lắk. D. Đắk Nông.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết các trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô và cơ cấu GDP trên 100 nghìn tỉ đồng (năm 2007)? A. Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. B. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

- C. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh. D. TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Vũng Áng. B. Chu Lai. C. Hòn La. D. Nghi Sơn.

Câu 5. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển Vân Phong thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Vùng Tây Nguyên.

Câu 6. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết vùng kinh tế Duyên hải Nam Trung Bộ **không có** khu kinh tế ven biển nào sau đây?

- A. Nhơn Hội. B. Dung Quất. C. Chân Mây-Lăng Cô. D. Chu Lai.

Câu 7. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, tỉnh có GDP bình quân tính theo đầu người (năm 2007) thấp nhất ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. Tây Ninh. B. Bình Phước. C. Bình Dương. D. Đồng Nai.

Câu 8. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, tỉnh nào sau đây có GDP bình quân đầu người dưới 6 triệu đồng?

- A. Cao Bằng. B. Thái Nguyên. C. Yên Bái. D. Nghệ An.

9. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, xác định khu kinh tế ven biển thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Chu Lai. B. Dung Quất. C. Vân Đồn. D. Định An.

Câu 10. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, xác định khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh nào?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Bình. C. Quảng Trị. D. Thừa Thiên Huế.

Câu 11. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây **không** thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc? A. Thái Nguyên. B. Hạ Long.

- C. Vĩnh Phúc. D. Hải Phòng.

Câu 12. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, tỉnh nào của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có GDP bình quân đầu người từ 15 đến 18 triệu đồng?

- A. Phú Yên. B. Khánh Hòa.
C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

Câu 13. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô trên 100 nghìn tỉ đồng?

- A. Nha Trang. B. Đà Nẵng.
C. Hải Phòng. D. Tp. Hồ Chí Minh.

Câu 14. Căn cứ Biểu đồ GDP và tốc độ tăng trưởng qua các năm giai đoạn 2000-2007 trang 17 Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng**? A. Tốc độ tăng trưởng liên tục.

- B. GDP tăng liên tục.

- C. Tốc độ tăng trưởng và GDP đều tăng.

D. GDP và tốc độ tăng trưởng không tăng.

Câu 15. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô lớn nhất vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Hải Dương. B. Hà Nội.
C. Hải Phòng. D. Nam Định.

16. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy so sánh cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh?

- A. Tỷ trọng nông, lâm, thủy sản Hà Nội cao hơn Tp. Hồ Chí Minh.
B. Tỷ trọng dịch vụ Hà Nội thấp hơn Tp. Hồ Chí Minh.
C. Tỷ trọng công nghiệp ở Hà Nội cao hơn Tp. Hồ Chí Minh.
D. Quy mô GDP của Hà Nội lớn hơn Tp. Hồ Chí Minh.

Câu 17. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển Chu Lai thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
B. Vùng Tây Nguyên.
C. Vùng Bắc Trung Bộ.
D. Vùng Đông Nam Bộ.

Câu 18. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây **không thuộc** vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Thanh Thủy. B. Đồng Đăng - Lạng Sơn.
C. Cầu Treo. D. Móng Cái.

Câu 19. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế?

- A. Biên Hòa. B. Vũng Tàu.
C. Cần Thơ. D. Tp. Hồ Chí Minh.

Đáp án trang 17

1 A	2 B	3 B	4 B	5 A	6 C	7 A	8 C	9 D	10 B
11 D	12 B	13 D	14 D	15 A	16 A	17 A	18 C	19 D	

Trang 18 (NÔNG NGHIỆP CHUNG)

Câu 1. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, vùng nào có diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất ở nước ta?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

2. vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 18, hai vùng tập trung quy mô diện tích đất trồng cây lương thực, thực phẩm và cây hàng năm lớn nhất ở nước ta là: A. Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên.

C. Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đồng bằng sông Cửu Long, Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 18, hãy cho biết Tây Nguyên tiếp giáp với các vùng nông nghiệp nào sau đây?

A. Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

B. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ.

D. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây có diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản nhiều nhất? A. Bắc Trung Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 18, hãy cho biết cây công nghiệp lâu năm phân bố chủ yếu ở Đông Nam Bộ? A. Cao su, cà phê, điều, hồ tiêu.

B. Chè, cao su, điều, bông.

C. Đậu tương, mía, lạc, chè.

D. Cà phê, cao su, mía, bông.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nông nghiệp nào sau đây vừa tiếp giáp với Lào vừa tiếp giáp với Campuchia?

A. Bắc Trung Bộ.

B. Đông Nam Bộ.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 7. vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 18, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với giá trị sản xuất nông nghiệp từ năm 2000 đến năm 2007? A. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng gấp 2 lần.

B. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng gấp 3 lần.

C. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng gấp 4 lần.

D. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng gấp 5 lần.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng có diện tích đất phi nông nghiệp nhiều nhất là vùng nào?

A. Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết cây ăn quả **không phải** là cây chuyên môn hóa của vùng nào sau đây?

A. Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết tỉnh nào ở Duyên hải Nam Trung Bộ có chuyên môn cây mía?

A. Bình Định.

B. Phú Yên.

C. Khánh Hòa.

D. Ninh Thuận.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp năm 2007 đạt bao nhiêu tỉ đồng?

A. 236 987,1 tỉ đồng.

B. 129 017,7 tỉ đồng.

C. 89 378 tỉ đồng.

D. 267 456,8 tỉ đồng.

Đáp án trang 18

1 D	2 C	3 A	4 D	5 A	6 D	7 A	8 C	9 D	10 C
11 A									

Trang 19 (NÔNG NGHIỆP: Chăn nuôi, Cây công nghiệp, Lúa)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

A. Nghệ An.

B. Hà Tĩnh.

C. Gia Lai.

D. Phú Yên.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, xác định tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp trên 50% diện tích?

A. Bến Tre.

B. Tây Ninh.

C. Hà Giang.

D. Tây Ninh.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, xác định tỉnh nào sau đây có số lượng đàn trâu, đàn bò lớn nhất?

A. Hà Giang.

B. Bình Định.

C. Nghệ An.

D. Bình Thuận.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực dưới 60%?

- A. Tây Ninh. B. Bình Phước. C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết cây chè phân bố ở các tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Thái Nguyên, Lâm Đồng.
 B. Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Lâm Đồng.
 C. Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Sơn La, Điện Biên, Lâm Đồng.
 D. Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Lâm Đồng.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết nhận định nào sau đây là đúng về diện tích trồng cây công nghiệp trong năm 2000 và năm 2005? A. Cây công nghiệp lâu năm và cây công nghiệp hàng năm tăng.

- B. Cây công nghiệp lâu năm tăng, cây công nghiệp hàng năm giảm.
 C. Cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây lâu năm.
 D. Cây công nghiệp lâu năm giảm, cây hàng năm tăng.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết nhận định nào sau đây **không đúng** về cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi từ năm 2000 đến năm 2007?

- A. Gia súc tăng, gia cầm giảm.
 B. Gia cầm giảm, sản phẩm không qua giết thịt tăng.
 C. Gia súc tăng, sản phẩm không qua giết thịt giảm.
 D. Gia súc tăng, gia cầm tăng.

Đáp án trang 19

1 C	2 A	3 C	4 B	5 A	6 A	7 D			
------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	--	--	--

Trang 20 (LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh sản lượng thủy sản của một số tỉnh? A. Nuôi trồng của Hậu Giang lớn hơn Đồng Tháp.

- B. Khai thác của Bình Thuận nhỏ hơn Hậu Giang.
 C. Khai thác của Kiên Giang lớn hơn Đồng Tháp.
 D. Nuôi trồng của Cà Mau nhỏ hơn Đồng Nai.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, xác định tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản lớn trên 50%?

- A. Quảng Bình. B. Thừa Thiên Huế
C. Đà Nẵng. D. Bình Định.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết vùng nào sau đây có giá trị sản xuất thấp nhất trong giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long
C. Đông Nam Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về biểu đồ diện tích rừng của nước ta qua các năm? A. Tổng diện tích rừng nước ta tăng qua các năm.

- B. Diện tích rừng tự nhiên qua các năm tăng liên tục.
C. Diện tích rừng trồng qua các năm tăng liên tục.
D. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn diện tích rừng trồng.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản lượng thủy sản nuôi trồng cao nhất Đồng bằng sông Cửu Long? A. An Giang. B. Kiên Giang. C. Đồng Tháp D. Cà Mau.

Đáp án trang 20

1 C	2 C	3 D	4 C	5 B					
-----	-----	-----	-----	-----	--	--	--	--	--

Trang 21 (CÔNG NGHIỆP CHUNG)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?

- A. TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng. B. Biên Hòa, TP. Hồ Chí Minh.
C. TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu. D. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, ở trung tâm công nghiệp Vinh **không có** ngành nào sau đây?

- A. Chế biến nông sản. B. Cơ khí.
C. Sản xuất vật liệu xây dựng. D. Dệt, may.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, các trung tâm công nghiệp có ngành sản xuất ô tô ở nước ta (năm 2007) là:

- A. Hải Phòng, Tp. Hồ Chí Minh. B. Hà Nội, Đà Nẵng.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?

A. Bà Rịa - Vũng Tàu.

B. Bình Dương.

C. Hà Nội.

D. Hải Phòng.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy sắp xếp các trung tâm công nghiệp sau đây theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

A. Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.

B. Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Phòng.

C. Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng.

D. Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết nhận định nào **không đúng** về Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước phân theo nhóm ngành?

A. Tỷ trọng công nghiệp khai thác giảm và công nghiệp chế biến có xu hướng tăng.

B. Tỷ trọng công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến có xu hướng tăng.

C. Tỷ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước có xu hướng giảm.

D. Tỷ trọng công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước luôn chiếm tỷ trọng thấp nhất.

Đáp án trang 21

1 D	2 D	3 C	4 C	5 A	6 B				
-----	-----	-----	-----	-----	-----	--	--	--	--

Trang 22 (CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM: Công nghiệp năng lượng, Công nghiệp Chế biến LTTP, Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây **không đúng** với công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta? A. Công nghiệp chế biến lương thực phân bố rộng rãi.

B. Hải Phòng, Biên Hòa là các trung tâm quy mô lớn.

C. Có các trung tâm với quy mô rất lớn, lớn, vừa, nhỏ.

D. Đà Nẵng và Vũng Tàu có cơ cấu ngành giống nhau.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

A. Bảo Lộc.

B. Đà Nẵng.

C. Nha Trang.

D. Buôn Ma Thuột.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?

A. Thái Nguyên. B. Hải Phòng. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Bến Tre.

Câu 4. Căn cứ vào bản đồ Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, giá trị sản xuất của ngành công nghiệp này trong giai đoạn 2000-2007 của nước ta tăng dần

A. 1,7 lần. B. 2,7 lần. C. 3,7 lần. D. 4,7 lần.

Câu 5. Căn cứ vào bản đồ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành này năm 2007 thì dệt, may chiếm

A. 54,8%. B. 55,8%. C. 56,8%. D. 57,8%.

Câu 6. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, xác định trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có quy mô rất lớn?

A. Hải Phòng. B. Hà Nội. C. Nha Trang. D. Biên Hòa.

Câu 7. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, xác định nhà máy nhiệt điện có công suất trên 1000MW?

A. Phả Lại. B. Uông Bí. C. Na Dương. D. Thủ Đức.

8. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, xác định nhà máy thủy có công suất trên 1000MW?

A. Nậm Mu. B. Yaly. C. A Vương. D. Hòa Bình.

Câu 9. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các nhà máy nhiệt điện có công suất dưới 1000MW của vùng Đông Nam Bộ? A. Thủ Đức, Phú Mỹ. B.

Bà Rịa, Thủ Đức.

C. Bà Rịa, Trà Nóc.

D. Phú Mỹ, Trà Nóc.

Câu 10. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết trung tâm công nghiệp

Huế có những ngành sản xuất hàng tiêu dùng nào dưới đây? A. Dệt, may; da, giày; giấy, in, văn phòng phẩm.

B. Dệt, may; da, giày; gỗ, giấy, xenlulo.

C. Dệt, may; gỗ, giấy, xenlulo; giấy, in, văn phòng phẩm.

D. Gỗ, giấy, xenlulo; da, giày; giấy, in, văn phòng phẩm.

Câu 11. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn của vùng đồng bằng Sông Cửu Long?

A. Long Xuyên, Cần Thơ.

B. Sóc Trăng, Rạch Giá.

C. Cà Mau, Cần Thơ.

D. Cà Mau, Rạch Giá.

Câu 12. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là đúng về giá trị sản xuất hàng tiêu dùng năm 2000-2007? A. Da giày có giá trị thấp hơn giấy - in - văn phòng.

B. Dệt, may luôn chiếm giá trị cao nhất.

C. Sản xuất giấy - in - văn phòng phẩm có xu hướng giảm.

D. Da giày tăng và chiếm giá trị lớn nhất.

Đáp án trang 22

1 D	2 A	3 D	4 B	5 A	6 B	7 A	8 D	9 B	10 A
11 C	12 C								

Trang 23 (GIAO THÔNG)

Câu 1. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, tuyến đường biển dài nhất nước ta là

A. Hải Phòng – Cửa Lò.

B. Hải Phòng – Đà Nẵng.

C. Hải Phòng - Tp. Hồ Chí Minh.

D. Tp. Hồ Chí Minh – Quy Nhơn.

Câu 2. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, sân bay nào sau đây không phải là sân bay quốc tế (năm 2007)?

A. Nội Bài.

B. Đà Nẵng.

C. Tân Sơn Nhất

D. Liên Khương

Câu 3. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, xác định cửa khẩu quốc tế nào thuộc vùng Tây Bắc?

A. Nậm Cắn.

B. Cầu Treo.

C. Lao Bảo

D. Tây Trang

Câu 4. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, xác định tỉnh nào sau đây đường quốc lộ 1A không đi qua?

A. Lạng Sơn.

B. Bắc Giang.

C. Bắc Ninh

D. Vĩnh Phúc

Câu 5. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, xác định tuyến đường bộ nối Hà Nội với cảng Hải Phòng?

A. Đường quốc lộ 1A.

B. Đường số 18.

C. Đường số 5.

D. Đường số 7.

Câu 6. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết 2 cửa khẩu quốc tế nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc?

A. Lào Cai, Hữu Nghị.

B. Lào Cai, Na Mèo.

C. Móng Cái, Tây Trang.

D. Hữu Nghị, Na Mèo.

Câu 7. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết 2 cửa khẩu quốc tế nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và Lào?

A. Tây Trang, Lệ Thanh.

B. Cha Lo, Lao Bảo.

C. Nậm Cắn, Lào Cai.

D. Nậm Cắn, Lệ Thanh.

Câu 8. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết điểm đầu và điểm cuối của quốc lộ 1A đi từ Bắc vào Nam?

A. Hữu Nghị đến Năm Căn.

B. Hữu Nghị đến Tp. Hồ Chí Minh.

C. Hữu Nghị đến Cần Thơ.

D. Hữu Nghị đến Mỹ Tho.

9. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết điểm đầu và điểm cuối của tuyến đường sắt Thống Nhất đi từ Bắc vào Nam?

A. Hà Nội - Lạng Sơn.

B. Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh.

C. Hà Nội - Hải Phòng

D. Hà Nội - Đà Nẵng.

Câu 10. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, sân bay nào **không phải** là sân bay quốc tế?

A. Cát Bi (Hải Phòng).

B. Nội Bài (Hà Nội).

C. Cần Thơ.

D. Đà Nẵng .

Câu 11. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, Cho biết cảng biển nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

A. Cái Lân.

B. Quy Nhơn.

C. Cam Ranh.

D. Cửa Lò.

Câu 12. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, hãy sắp xếp các cảng biển theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

A. Hải Phòng, Vũng Tàu, Dung Quất.

B. Hải Phòng, Dung Quất, Vũng Tàu.

C. Hải Phòng, Vũng Tàu, Đà Nẵng.

D. Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng .

Đáp án trang 23

1 C	2 D	3 D	4 D	5 C	6 A	7 B	8 A	9 B	10 C
11 D	12 B								

Trang 24 (THƯƠNG MẠI)

Câu 1. Căn cứ vào biểu đồ Cơ cấu giá trị hàng – xuất khẩu năm 2007 của nước ta ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, mặt hàng xuất khẩu có tỉ trọng cao nhất là A. công nghiệp nặng và khoáng sản.

B. nông, lâm sản.

C. công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

D. thủy sản.

2. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, xác định tỉnh nào sau đây có cán cân xuất nhập khẩu dương?

A. Hải Phòng. B. Quảng Ninh. C. Lào Cai. D. Phú Yên.

Câu 3. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào có giá trị nhập khẩu cao nhất nước ta?

A. Hà Nội. B. Tp. Hồ Chí Minh. C. Bình Dương. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 4. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào có tổng giá trị xuất nhập khẩu cao nhất nước ta?

A. Hải Phòng. B. Hà Nội. C. Tp. Hồ Chí Minh. D. Đồng Nai.

Câu 5. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhóm hàng nào có giá trị nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất nước ta?

A. Máy móc, thiết bị phụ tùng. B. Nguyên, nhiên, vật liệu.
C. Hàng tiêu dùng. D. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

Câu 6. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết quốc gia nào sau đây Việt Nam nhập siêu?

A. Hoa Kỳ. B. Trung Quốc. C. Ôx-trây-li-a. D. Anh.

Câu 7. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho quốc gia nào sau đây Việt Nam xuất siêu?

A. Singapo B. Đài Loan. C. Hoa Kỳ. D. Hàn Quốc.

Câu 8. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết nhận định nào sau đây **không đúng** khi nhận xét về giá trị xuất - nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2000-2007?

A. Giá trị xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu.
B. Giá trị nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu.
C. Tổng giá trị xuất nhập khẩu đều tăng.
D. Giá trị nhập siêu ngày càng lớn.

Câu 9. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của vùng Nam Trung Bộ có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cao nhất?

A. Khánh Hòa. B. Đà Nẵng. C. Bình Thuận. D. Bình Định.

10. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tính theo bình quân đầu người ở mức từ trên 8 đến 12 triệu đồng (năm 2007)?

- A. Bình Dương. B. Phú Yên. C. Tây Ninh. D. Khánh Hòa.

Đáp án trang 24

1 C	2 B	3 A	4 C	5 B	6 B	7 C	8 A	9 B	10 D
------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	-------------

Trang 25 (DU LỊCH)

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch nào sau đây của nước ta **không** phải là trung tâm du lịch quốc gia (năm 2007) A. Huế. B. Đà Nẵng. C. Nha Trang. D. TP. Hồ Chí Minh.

Câu 2. Căn cứ vào biểu đồ tròn ở Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ có tỉ trọng tăng nhiều nhất trong cơ cấu khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giai đoạn 2000-2007 là

- A. Đông Nam Á. B. Trung Quốc. C. Đài Loan. **D.** Hàn Quốc

Câu 3. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, xác định đâu là trung tâm du lịch quốc gia (năm 2007)

- A. Hạ Long. B. Hải Phòng. C. Đà Nẵng. D. Nha Trang.

Câu 4. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, xác định nước ta có mấy di sản văn hóa thế giới?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 5. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây là di sản văn hóa thế giới?

- A. Vịnh Hạ Long. B. Phong Nha-Kẻ Bàng.
C. Phố cổ Hội An. D. Cát Tiên.

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây là khu dự trữ sinh quyển thế giới?

- A. Mũi Cà Mau. B. Tràm Chim.
C. U Minh Thượng. D. Lò Gò - Xa Mát.

Câu 7. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây có lễ hội truyền thống?

- A. Bát Tràng. B. Vạn Phúc.
C. Yên Tử. D. Tân Trào.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** khi nói về khách du lịch và doanh thu du lịch nước ta giai đoạn 1995-2007?

- A. Khách nội địa giảm qua các năm.
- B. Doanh thu tăng qua các năm.
- C. Khách quốc tế tăng qua các năm.
- D. Khách nội địa cao hơn khách quốc tế qua các năm.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết các địa điểm du lịch nào sau đây được xếp vào loại tài nguyên du lịch nhân văn ở nước ta?

- A. Bình Châu.
- B. Núi Bà Đen.
- C. Mũi Né.
- D. Bến Ninh Kiều.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết bãi biển Dốc Lết nằm ở vùng kinh tế nào của nước ta sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết các địa điểm du lịch nào sau đây được xếp vào loại tài nguyên du lịch tự nhiên ở nước ta?

- A. Phố cổ Hội An.
- B. Địa đạo Vĩnh Mốc.
- C. Phong Nha - Kẻ Bàng.
- D. Khe Sanh.

Đáp án trang 25

1 C	2 A	3 C	4 C	5 C	6 A	7 C	8 A	9 B	10 C
11 C									

Trang 26 (VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, tỉ trọng GDP của hai vùng Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ so với GDP cả nước năm 2007 tương ứng là

- A. 23,0% và 8,1%.
- B. 24,0% và 9,2%.
- C. 25,0% và 10,2%.
- D. 26,0% và 11,2%.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, các trung tâm công nghiệp ở vùng đồng bằng sông Hồng có quy mô trên 40 nghìn tỉ đồng trở lên là:

- A. Phúc Yên, Bắc Ninh.
- B. Hà Nội, Hải Phòng

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Vân Đồn. B. Đình Vũ - Cát Hải.

C. Nghi Sơn. D. Vũng Áng.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tiếp giáp biển Đông?

A. Lạng Sơn. B. Quảng Ninh. C. Bắc Giang. D. Thái Nguyên.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết mỏ apatit có nhiều ở tỉnh nào sau đây?

A. Lai Châu. B. Lào Cai. C. Yên Bái. D. Sơn La.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có các trung tâm công nghiệp nào?

A. Thái Nguyên, Hạ Long, Cẩm Phả. B. Hải Phòng, Hạ Long, Cẩm Phả.

C. Hải Phòng, Hạ Long, Thái Nguyên. D. Hạ Long, Cẩm Phả, Việt Trì.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, theo biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, cho biết nhận định nào sau đây đúng?

A. Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỉ trọng lớn.

B. Công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng nhỏ nhất. C. Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.

D. Dịch vụ chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, theo biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết nhận định nào sau đây **không** đúng?

A. Nông, lâm, thủy sản chiếm tỉ trọng cao nhất.

B. Nông, lâm, thủy sản chiếm tỉ trọng thấp nhất.

C. Công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng khá cao.

D. Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất.

Đáp án trang 26

1 A	2 B	3 A	4 B	5 B	6 A	7 A	8 A		
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	--	--

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Nhật Lệ thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Nghệ An. C. Thanh Hóa. D. Hà Tĩnh.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, tỉ trọng GDP của vùng Bắc Trung Bộ so với GDP cả nước năm 2007 là

- A. 6,8%. B. 7,8%. C. 8,8%. D. 9,8%.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy xác định các tuyến đường bộ theo chiều Đông - Tây của vùng Bắc Trung Bộ? A. Quốc lộ 7,8,9. B. Quốc lộ 7,14,15.

- C. Quốc lộ 8, 14, 15. D. Quốc lộ 9, 14, 15.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết cảng biển Cửa Lò và Thuận An thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế. B. Nghệ An, Quảng Bình.
C. Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế D. Nghệ An, Thừa Thiên Huế

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết tuyến đường bộ theo hướng Đông - Tây nào sau đây **không thuộc** vùng Bắc Trung Bộ? A. Đường số 6. B. Đường số 7. C. Đường số 8. D. Đường số 9.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, hãy cho biết nhận định nào sau đây là đúng với sự phân bố cây công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ? A. Chè được trồng nhiều ở vùng núi tây Nghệ An.

- B. Cao su trồng nhiều ở vùng núi tây Nghệ An.

- C. Hồ tiêu được trồng ở vùng núi tây Nghệ An

- D. Dừa được trồng ở vùng núi tây Nghệ An.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có cơ cấu ngành đa dạng nhất ở Bắc Trung Bộ?

- A. Huế. B. Bỉm Sơn. C. Thanh Hóa. D. Vinh.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, dọc theo biên giới Việt - Lào ở vùng Bắc Trung Bộ theo hướng từ Nam ra Bắc lần lượt gặp các cửa khẩu quốc tế nào?

- A. A Đớt, Lao Bảo, Cha Lo, Cầu Treo, Nậm Cắn, Na Mèo.

B. Na Mèo, Cầu Treo, A Đót, Lao Bảo, Cha Lo, Nậm Cấm.

C. Nậm Cấm, A Đót, Lao Bảo, Cha Lo, Cầu Treo, Na Mèo.

D. Na Mèo, Nậm Cấm, Cầu Treo, Cha Lo, Lao Bảo, A Đót.

Đáp án trang 27

1 D	2 C	3 A	4 A	5 D	6 A	7 A	8 C	9 D	
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	--

Trang 28 (VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, VÙNG TÂY NGUYÊN)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của Tây Nguyên, chiếm tỉ trọng cao nhất là

A. dịch vụ.

B. nông, lâm, thủy sản.

C. công nghiệp - xây dựng.

D. thương mại.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Phù Cát thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Bình Định.

B. Phú Yên.

C. Quảng Nam.

D. Quảng Ngãi.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Phú Yên.

B. Bình Định.

C. Bình Thuận.

D. Ninh Thuận.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết các tuyến đường Bắc - Nam chạy qua vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Quốc lộ 1A và đường 14.

B. Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam.

C. Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh.

D. Đường sắt Bắc - Nam và đường Hồ Chí Minh.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết trung tâm công nghiệp nào của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có giá trị sản xuất (theo giá thực tế năm 2007) từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

A. Đà Nẵng và Nha Trang.

B. Quảng Ngãi và Quy Nhơn.

C. Quy Nhơn và Khánh Hòa.

D. Phan Thiết và Nha Trang.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi nằm trên sông nào?

A. Sông Đồng Nai.

B. Sông La Ngà.

C. Sông Đà Rằng.

D. Sông Trà Khúc.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhận định nào **không đúng** với vị trí địa lí của vùng Tây Nguyên?

- A. Liên kề vùng Đông Nam Bộ.
- B. Giáp miền Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia.
- C. Nằm sát vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Giáp với Biển Đông.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cửa khẩu quốc tế sau đây **không** nằm ở Tây Nguyên?

- A. Bờ Y.
- B. Nam Giang.
- C. Lệ Thanh.
- D. A Đớt.

Đáp án trang 28

1 B	2 A	3 C	4 B	5 B	6 B	7 D	8 D		
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	--	--

Trang 29 (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ, VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết nhà máy thủy điện Trị An thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Đồng Nai.
- B. Tây Ninh.
- C. Bình Phước.
- D. Bình Dương.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, các trung tâm công nghiệp có quy mô từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Sóc Trăng, Kiên Giang.
- B. Cần Thơ, Cà Mau.
- C. Long Xuyên, Kiên Lương.
- D. Tân An, Mỹ Tho.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tên khu kinh tế ven biển của vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Định An, Bạc Liêu.
- B. Định An, Năm Căn.
- C. Năm Căn, Rạch Giá.
- D. Định An, Kiên Lương.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây **không thuộc** vùng Đông Nam Bộ?

- A. Hoa Lư.
- B. Xa Mát
- C. Đồng Tháp.
- D. Mộc Bài.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Tỷ trọng dịch vụ của Đông Nam Bộ lớn hơn đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng của Đông Nam Bộ lớn hơn đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ trọng nông, lâm, thủy sản nhỏ hơn Đông Nam Bộ.

D. Đông Nam Bộ có tỉ trọng công nghiệp và xây dựng nhỏ hơn đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tuyến đường ô tô nào nối liền vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên? A. Quốc lộ 14 và 20. B. Quốc lộ 13 và 14.

C. Quốc lộ 1 và 14. D. Quốc lộ 1 và 13.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trong các trung tâm công nghiệp sau đây, trung tâm công nghiệp nào có cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng nhất ở Đông Nam Bộ?

A. Biên Hòa. B. Thủ Dầu Một. C. Tp. Hồ Chí Minh. D. Vũng Tàu.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết Đông Nam Bộ **không có** cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

A. Bờ Y. B. Xa Mát. C. Mộc Bài. D. Hoa Lư.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trong cơ cấu ngành công nghiệp của trung tâm công nghiệp Cần Thơ **không có** ngành công nghiệp nào sau đây?

A. Vật liệu xây dựng. B. Cơ khí. C. Đóng tàu. D. Hóa chất.

Đáp án trang 29

1 A	2 B	3 B	4 C	5 B	6 A	7 C	8 A	9 C	
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	--

Trang 30 (CÁC VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM)

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, tỉnh nào sau đây **không thuộc** vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (năm 2007)?

A. Bắc Ninh. B. Quảng Ninh. C. Bắc Giang. D. Hưng Yên.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?

A. Bắc Ninh. B. Phúc Yên. C. Hưng Yên. D. Hạ Long.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, tỉnh nào sau đây **không thuộc** vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (năm 2007)?

A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Bình Định. D. Thanh Hóa.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, tỉnh nào sau đây **không thuộc** vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (năm 2007)?

A. Tây Ninh. B. Bình Dương. C. Bình Phước. D. Cà Mau.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết tên các trung tâm công nghiệp nào có quy mô từ 40 đến 120 nghìn tỉ đồng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.

B. Tp. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.

C. Thủ Dầu Một, Vũng Tàu, Tân An.

D. Thủ Dầu Một, Tp. Hồ Chí Minh, Biên Hòa.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết cảng biển nào sau đây **không thuộc** vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

A. Thuận An, Chân Mây, Kỳ Hà.

B. Hải Phòng, Tiên Sa, Kỳ Hà.

C. Chân Mây, Kỳ Hà, Quy Nhơn.

D. Quy Nhơn, Chân Mây, Thuận An.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết tỉnh (thành phố) nào sau đây có GDP bình quân đầu người trên 50 triệu đồng/người của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

A. Tây Ninh. B. Bình Phước. C. Bà Rịa - Vũng Tàu. D. Tiền Giang.

Đáp án trang 30

1 C	2 D	3 C	4 D	5 A	6 B	7 C			
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	--	--	--

